

Số: 3016/ĐA-ĐHSPKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

ĐỀ ÁN
V/v Mở ngành đào tạo Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ
Mã ngành 9310110

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2311/QĐ-ĐHSPKT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-ĐHSPKT ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 255/NQ-HĐT ngày 27/06/2025 của Hội đồng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 3103/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ - Mã ngành 9310110;

Căn cứ Biên bản số 2896/BB-HĐKHĐT ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc thẩm định Đề án mở ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ.

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPKT TPHCM) ban hành Đề án mở ngành đào tạo Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ - Mã ngành 9310110 (văn bản đính kèm).

Nơi nhận:

- Các đơn vị, cá nhân liên quan;
- Lưu: VT, ĐT (7).



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Hiếu Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Đề án số 3016/ĐA-ĐHSPKT ngày 28 tháng 8 năm 2025
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh)*

Tên ngành Đào tạo: **QUẢN LÝ KINH TẾ**

Mã số: **9310110**

Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM**

Trình độ đào tạo: **Tiến sĩ**

Thành phố Hồ Chí Minh - 2025 

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	iii
DANH MỤC HÌNH ẢNH.....	iv
PHẦN 1 SỰ CẦN THIẾT ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	1
1.1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	1
1.1.1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo	1
1.1.2. Quá trình hình thành và định hướng phát triển Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM.....	1
Nguồn: Thông tin từ website của Trường	8
1.1.3. Giới thiệu về Khoa mở ngành	8
1.2. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	11
1.2.1. Phân tích và dự báo nhu cầu đào tạo nhân lực ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ.....	11
1.2.2. Phân tích và dự báo nhu cầu sử dụng nhân lực ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ.....	13
1.2.3. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo	13
PHẦN 2 TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	15
2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ CHỦ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ.....	15
2.2. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU	16
2.3. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN, GIÁO TRÌNH	21
2.3.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo	21
2.3.2. Thư viện, giáo trình	22
2.4. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	23
2.4.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã thực hiện.....	23
2.4.2. Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu.....	24
2.5. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	24
2.6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ	24
2.6.1. Đơn vị phụ trách quản lý hành chính	24
2.6.2. Đơn vị quản lý cấp khoa đối với ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ.....	25

2.7. ĐIỀU KIỆN SẴN SÀNG CHUYỂN SANG DẠY HỌC TRỰC TUYẾN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THEO QUY ĐỊNH.....	25
PHẦN 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	26
3.1. CĂN CỨ PHÁP LÝ	26
3.2. QUYẾT ĐỊNH, VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	27
3.3. THAM KHẢO VÀ ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	27
3.4. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	28
3.5. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO.....	30
3.6. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	30
PHẦN 4 TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN	31
4.1. CÔNG CÔNG KHAI THÔNG TIN.....	31
4.2. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	31
4.3. CAM KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN.....	32
4.4. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG VÀ XỬ LÝ RỦI RO	32
4.4.1. Trường hợp không tuyển sinh đủ chỉ tiêu	32
4.4.2. Người học bỏ học, trễ tiến độ	32
4.4.3. Sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác	32
4.4.4. Sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực.....	33
4.4.5 Trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo	33
KẾT LUẬN	33

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 0.1. Thống kê các ngành đào tạo (tính đến 30/06/2025)	5
Bảng 1.2. Bảng thống kê khả năng đào tạo của trường đào tạo nghiên cứu sinh ngành Quản lý Kinh tế và các ngành gần.....	12
Bảng 0.2. Kết quả đánh giá tiêu chí áp dụng cho cơ sở đào tạo tiến sĩ	15
Bảng 0.3. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện ngành đào tạo Quản lý Kinh tế trình độ tiến sĩ	16
Bảng 2.3. Thông tin chi tiết trang thiết bị trong phòng BI thuộc Khoa Kinh tế	22
Bảng 0.4. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa quản lý ngành đào tạo	25
Bảng 0.5. Quy mô tuyển sinh dự kiến	30

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 0.1. Sơ đồ tổ chức của Trường ĐHSPKT TP.HCM	2
Hình 1.2. Sơ đồ và cơ cấu tổ chức của Khoa Kinh tế	9
Hình 1.3: Giấy chứng nhận kiểm định các CTĐT	10

✓

PHẦN 1

SỰ CẦN THIẾT ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1.1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

Ngành đào tạo Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ thuộc Danh mục nhóm ngành Khoa học xã hội và hành vi, có mã ngành cấp IV hiện hành theo quy định trong Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT là 9310110. Thông tin cụ thể như sau:

Tên ngành đào tạo: Quản lý kinh tế

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Mã ngành: 9310110

Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

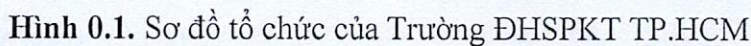
Đơn vị quản lý chuyên môn: Khoa Kinh tế

1.1.2. Quá trình hình thành và định hướng phát triển Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (ĐHSPKT TP.HCM) được hình thành và phát triển trên cơ sở Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật – thành lập theo Nghị định số 1082-GD ngày 05/10/1962 của Tổng thống Việt Nam Cộng hoà. Theo Sắc lệnh số 10-SL/VHGD TN ngày 11/01/1974 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hoà, Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật được sáp nhập vào Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức và được đặt trực thuộc Trường Đại học Giáo dục của Viện. Ngày 27/10/1976, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 426-TTg về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học - theo Quyết định này Trường Đại học Giáo dục được đổi tên thành Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức. Ngày 28/01/1984 Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức hợp nhất với Trường Trung học công nghiệp Thủ Đức thành Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 12/6/1991 Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh sáp nhập thêm Trường Sư phạm Kỹ thuật Cơ giới hoá nông nghiệp. Theo Nghị định số 16/CP ngày 27/01/1995 của Chính phủ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh được đặt trực thuộc Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 10/10/2000 theo Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh tách khỏi Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo cho đến nay.

Trải qua hơn 60 năm hình thành và phát triển, Trường ĐHSPKT TP.HCM là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng theo định hướng ứng dụng; liên tục đổi mới và sáng tạo, cung cấp nguồn nhân lực và sản phẩm khoa học chất lượng cao trong các lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, khoa học, công nghệ; đáp ứng các

Trường ĐHSPKT TP.HCM có cơ cấu gồm 16 Phòng/Ban chức năng, 14 Khoa/Viện, 06 Trung tâm thuộc Trường. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, tổng số lượng người làm việc và hợp đồng lao động của Nhà trường là 862 người trong đó có 609 giảng viên (GV) với 60 PGS và 233 Tiến sĩ, 253 cán bộ quản lý hành chính, nhân viên. Sơ đồ tổ chức của Nhà trường được trình bày tại Hình 1.1.



Trong những năm qua, Trường ĐHSPKT TP.HCM đã không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng như chính sách chất lượng đã công bố.

Tầm nhìn

Trường ĐHSPKT TP.HCM là đại học tự chủ toàn phần; là trung tâm đào tạo, NCKH, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp hàng đầu của Việt Nam, ngang tầm với các trường đại học uy tín trong khu vực và thế giới.

Sứ mạng

Trường ĐHSPKT TP.HCM là cơ sở đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo định hướng ứng dụng; liên tục đổi mới sáng tạo, cung cấp nguồn nhân lực và các sản phẩm khoa học chất lượng cao trong các lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, khoa học, công nghệ; đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Các giá trị cốt lõi: Các giá trị cơ bản của một nền giáo dục tiên tiến; hiện đại đã, đang và sẽ được ĐHSPKT tôn vinh, gìn giữ, phát huy một cách sáng tạo là:

- Gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống nhân văn của dân tộc Việt Nam.
- Nâng đỡ tài năng và tính sáng tạo, chú trọng đào tạo kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp.
- Tôn trọng lợi ích của người học và của cộng đồng.
- Xây dựng xã hội học tập.
- Đề cao chất lượng, hiệu quả và sự đổi mới trong các hoạt động.
- Hội nhập, hợp tác và chia sẻ.

Triết lý giáo dục: *Nhân bản – Sáng tạo – Hội nhập.* Hội nhập tức là giáo dục không chỉ truyền đạt kiến thức và kỹ năng, mà còn cần nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm xã hội, nghĩa cử cao đẹp và đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên và GV. Trường đặt “con người làm trung tâm” và xem sinh viên như những cá thể độc đáo, cần được yêu thương, tôn trọng và trợ lực để phát triển bản thân một cách toàn diện. Nhà trường coi sáng tạo là động lực then chốt để thích ứng với thời đại và phát triển bền vững. Trường khuyến khích tư duy phản biện, đổi mới, tự khởi xướng và học suốt đời, từ đó hình thành nguồn lực lao động có khả năng thích nghi và khai phá thị trường quốc tế. Phương châm của Nhà trường là “Trở thành trường đại học sáng tạo nhất” nhằm định hướng trong hoạt động phát triển. Đồng thời, Nhà trường luôn thúc đẩy hợp tác quốc tế, đổi mới chương trình, nâng cao chuẩn mực và phát triển kỹ năng mềm nhằm đến sự phát triển toàn diện.

Trường ĐHSPKT TP.HCM còn có không gian rộng và thoáng mát rất thuận tiện cho việc học tập của sinh viên. Với diện tích sử dụng lên đến 218.655 m², bao gồm 2 cơ sở đào tạo, giảng đường, nhà xưởng thực hành, phòng nghiên cứu, thí nghiệm, hội

trường, nhà tập đa năng, trung tâm thư viện, ký túc xá sinh viên, Trường ĐHSPKT TP.HCM là môi trường học tập, sinh hoạt, NCKH lý tưởng của GV và sinh viên.

Cùng với sự lớn mạnh về số lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy cũng như số lượng ngành nghề đào tạo và số lượng sinh viên đang theo học, nhà trường không ngừng đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất hiện đại như: phòng thí nghiệm robot và điều khiển thông minh, phòng thí nghiệm điện tử hiện đại, phòng thí nghiệm robot tự hành thông minh, phòng thí nghiệm chế tạo khuôn và ép nhựa, phòng thí nghiệm hệ thống sản xuất công nghiệp 4.0, phòng thí nghiệm tạo hình và xử lý vật liệu, phòng thí nghiệm mô phỏng hệ thống công nghiệp, phòng thí nghiệm CNC nâng cao,... Các doanh nghiệp tin tưởng nguồn lực được đào tạo từ Nhà trường và đầu tư các phòng thí nghiệm cập nhật những công nghệ tiên tiến như Phòng thí nghiệm tự động hóa Mitsubishi, phòng thí nghiệm tự động hoá Rockwell, phòng thí nghiệm tự động hoá Siemens, Phòng thí nghiệm thiết bị tự động hóa Yaskawa,... và các phần mềm chuyên môn. Để đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục đại học, nhà trường đã xây dựng thành công Trung tâm dữ liệu lớn gồm UTE Data center và UTEx Data Center. Trung tâm dữ liệu lớn là hệ thống quản trị, vận hành và xử lý cho hệ sinh thái số (digital ecosystem), triển khai UTEx-LMS và UTEx-MOOC - nền tảng công nghệ dạy học, kiểm tra đánh giá trực tuyến.

Việc đầu tư cho các phòng thí nghiệm hiện đại và trang bị đầy đủ các thiết bị nhằm bảo đảm tốt nhất cho hoạt động dạy và học, công tác NCKH của GV và sinh viên Trường ĐHSPKT TP.HCM ngày càng phát triển và đạt được nhiều thành tích cao. Tính từ năm 2019 đến nay, Nhà trường đã thực hiện quản lý 2419 đề tài, dự án các cấp, 4105 bài báo khoa học của GV được đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học, trong đó có 1470 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh mục Web of Science và Scopus, trường đã tổ chức được các sân chơi NCKH cho sinh viên với nhiều hoạt động đa dạng. Sinh viên của Trường đã đạt được nhiều giải thưởng khoa học, công nghệ và sáng tạo.

Trường ĐHSPKT TP.HCM áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 từ năm 2005 đến nay. Với hệ thống quản lý này, hiệu quả về quản lý đào tạo trong nhà trường đã được nâng lên rõ rệt. Trường ĐHSPKT TP.HCM đã công bố chính sách chất lượng, trong đó nhấn mạnh *“Không ngừng nâng cao chất lượng dạy, học, NCKH và phục vụ cộng đồng nhằm mang đến cho người học những điều kiện tốt nhất để phát triển toàn diện các năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.”*

Trường đã đạt kiểm định chất lượng cấp Cơ sở giáo dục theo chuẩn của Bộ GDĐT, chu kỳ 1 vào năm 2017 và chu kỳ 2 vào năm 2023, lần lượt theo Quyết định số 14/QĐ-TTKĐ ngày 03 tháng 05 năm 2017 và Quyết định số 98/QĐ-TTKĐ ngày 07 tháng 07 năm 2023 của Giám đốc trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, tính đến tháng 6/2025, Trường ĐHSPKT TP.HCM đã có 18 chương trình đào tạo (CTĐT) đạt chuẩn kiểm định chất

lượng của tổ chức Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA); 19 CTĐT trình độ đại học và 06 CTĐT trình độ thạc sĩ đạt chuẩn chất lượng giáo dục của Bộ GDĐT (MoET).

Trường ĐHSPKT TP.HCM đào tạo 3 trình độ: tiến sĩ – 07 ngành, thạc sĩ – 18 ngành, đại học – 50 ngành (Bảng 1.1).

Tính đến thời điểm 30/6/2025 quy mô người học:

- Trình độ đại học, hệ chính quy: 23.123 sinh viên
- Trình độ thạc sĩ: 542 học viên
- Trình độ tiến sĩ: 164 nghiên cứu sinh

Trường ĐHSPKT TP.HCM được quy hoạch trong mạng lưới cơ sở giáo dục trọng điểm quốc gia về công nghệ kỹ thuật. Đáp ứng điều này, chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHSPKT TP.HCM theo hướng nghề nghiệp - ứng dụng (hướng công nghệ), nặng về kỹ năng thực hành, thường xuyên điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với sự phát triển công nghệ của thực tế sản xuất công nghiệp, sản phẩm đào tạo của nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu xã hội. Kết quả khảo sát việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp hàng năm cho thấy số sinh viên có việc làm sau 3 tháng tốt nghiệp trên 90%. Chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường được xây dựng với cả hai định hướng, nghiên cứu và ứng dụng, nhằm linh hoạt trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao. Chương trình đào tạo tiến sĩ của Trường được xây dựng chú trọng năng lực nghiên cứu với khung chương trình trên 80% NCKH và luận án tiến sĩ. Đây là cơ sở để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đào tạo nhân tài, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển những lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược và chuyển đổi số quốc gia.

Bảng 0.1. Thống kê các ngành đào tạo (tính đến 30/06/2025)

STT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo
I – Tiến sĩ		
1	9520101	Cơ Kỹ thuật
2	9520201	Kỹ thuật điện
3	9520103	Kỹ thuật cơ khí
4	9140101	Giáo dục học
5	9520116	Kỹ thuật cơ khí động lực
6	9520203	Kỹ thuật điện tử
7	9580201	Kỹ thuật xây dựng
II – Thạc sĩ		

1	8140101	Giáo dục học
2	8140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn
3	8310110	Quản lý kinh tế
4	8520116	Kỹ thuật cơ khí động lực
5	8520115	Kỹ thuật nhiệt
6	8520103	Kỹ thuật cơ khí
7	8520114	Kỹ thuật cơ điện tử
8	8520216	Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa
9	8520201	Kỹ thuật điện
10	8520203	Kỹ thuật điện tử
11	8520208	Kỹ thuật viễn thông
12	8580201	Kỹ thuật xây dựng
13	8480101	Khoa học máy tính
14	8540101	Công nghệ thực phẩm
15	8520320	Kỹ thuật môi trường
16	8520301	Kỹ thuật hóa học
17	8580302	Quản lý xây dựng
18	8520212	Kỹ thuật y sinh
III – Đại học		
1	7510202	Công nghệ chế tạo máy
2	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
3	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
4	7549002D	Kỹ nghệ gỗ và nội thất
5	7520117	Kỹ thuật công nghiệp
6	7510209	Robot và trí tuệ nhân tạo
7	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt
8	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô
9	7510208	Năng lượng tái tạo
10	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học
11	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường
12	7540101	Công nghệ thực phẩm

13	7480202	An toàn thông tin
14	7480201	Công nghệ thông tin
15	7480203	Kỹ thuật dữ liệu
16	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông
17	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử
18	7510303	CNKT điều khiển và tự động hóa
19	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính
20	7480118	Hệ thống nhúng và IoT
21	7520212	Kỹ thuật y sinh
22	7510801	Công nghệ kỹ thuật in
23	7210403	Thiết kế đồ họa
24	7510402	Công nghệ vật liệu
25	7340301	Kế toán
26	7340120	Kinh doanh quốc tế
27	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
28	7510601	Quản lý công nghiệp
29	7340122	Thương mại điện tử
30	7220201	Ngôn ngữ Anh
31	7140231	Su phạm tiếng Anh
32	7540209	Công nghệ may
33	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
34	7210404	Thiết kế thời trang
35	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
36	7510106	Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng
37	7580101	Kiến trúc
38	7580103	Kiến trúc nội thất
39	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
40	7840110	Quản lý và vận hành hạ tầng
41	7580302	Quản lý xây dựng
42	7380101	Luật
43	7140246	Su phạm công nghệ

44	7310403	Tâm lý học giáo dục
45	7510302	Kỹ thuật thiết kế vi mạch
46	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường (Chuyên ngành Môi trường và Phát triển bền vững)
47	7520401	Vật lý kỹ thuật (định hướng công nghệ bán dẫn và cảm biến, đo lường)
48	7320106	Công nghệ truyền thông (Truyền thông số và Công nghệ đa phương tiện)
49	7340101	Quản trị kinh doanh
50	7340205	Công nghệ tài chính

Nguồn: Thông tin từ website của Trường

1.1.3. Giới thiệu về Khoa mở ngành

Khoa Kinh tế trường ĐHSPKT TP.HCM được thành lập ngày 15/08/2007 theo Quyết định số 441/QĐ-ĐHSPKT-TCCB, ngày 04/8/2027 trên cơ sở tách Bộ môn Kinh tế và Quản trị kinh doanh từ Khoa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh của trường ĐHSPKT TP.HCM. Đến nay đã được 18 năm hoạt động, Khoa không ngừng phát triển về nhân sự, cơ sở vật chất (CSVN) và quy mô đào tạo. Tính đến 30/06/2025, đội ngũ cán bộ viên chức (CBVC) cơ hữu là 59, trong đó có 04 CBQL và 02 thư ký. Khoa gồm có 57 GV (bao gồm 4 PGS.TS, 28 TS và 25 ThS, trong số đó có 10 thầy cô đang học NCS trong và ngoài nước) và 2 giáo vụ khoa có trình độ cử nhân (Bảng 2.1). Khoa Kinh tế hiện đang đào tạo hơn 4,000 SV và học viên cao học (HVCH). Hiện tại, Khoa có 07 CTĐT bậc đại học (ĐH) là Quản lý Công nghiệp, Kế toán, Thương mại điện tử, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh và Công nghệ tài chính. Ngoài ra, Khoa còn có 01 CTĐT bậc cao học trình độ thạc sĩ là ngành Quản lý kinh tế.

❖ Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Kinh tế

Tầm nhìn: Với tầm nhìn chiến lược, Khoa Kinh tế phấn đấu trở thành đơn vị đào tạo và nghiên cứu uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính và kinh doanh có ứng dụng công nghệ, phát triển hệ sinh thái học thuật liên ngành, đổi mới và hội nhập quốc tế; góp phần thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực Việt Nam trong kỷ nguyên số.

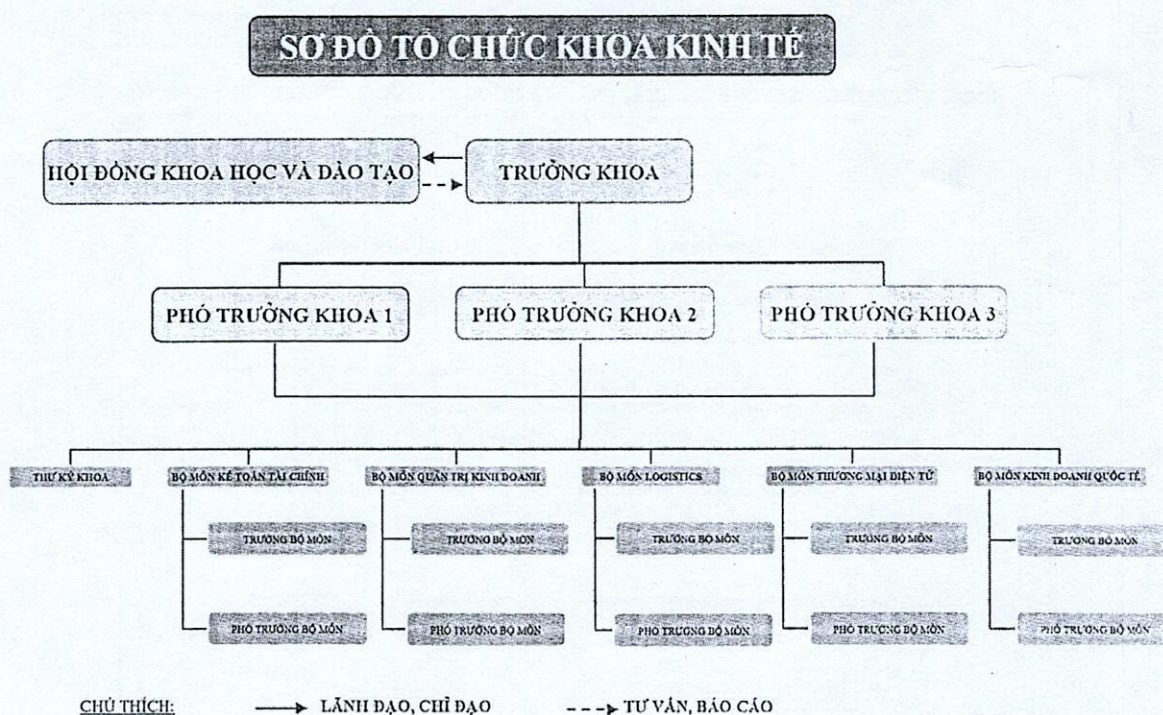
Sứ mệnh: Khoa Kinh tế hướng đến xây dựng môi trường học thuật năng động, sáng tạo, gắn kết hiệu quả giữa đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao tri thức trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, kinh doanh và tài chính, đặc biệt chú trọng ứng dụng công

nghe và tư duy liên ngành, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng với thị trường lao động trong nước và quốc tế.

❖ Các thành tích nổi bật của Khoa Kinh tế

Khoa Kinh Tế thuộc Trường ĐH SPKT TP.HCM đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong lĩnh vực giáo dục và nghiên cứu khoa học (NCKH). Với các CTĐT đa dạng như Quản lý Công nghiệp, Kế toán, Thương mại điện tử, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh và Công nghệ tài chính và Quản lý kinh tế, khoa đã xây dựng được hệ thống đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế (đạt chuẩn AUN ngành Quản lý công nghiệp năm 2018 và Kế toán năm 2022), giúp SV có kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Đội ngũ GV giàu kinh nghiệm và liên tục cập nhật phương pháp giảng dạy hiện đại, kết hợp với việc khuyến khích và tạo điều kiện cho các hoạt động NCKH, đã giúp Khoa công bố nhiều đề tài trên các tạp chí uy tín và tham gia hội thảo quốc tế. Khoa cũng đã thiết lập mối quan hệ hợp tác với nhiều trường ĐH và tổ chức quốc tế, mở ra cơ hội trao đổi và hợp tác nghiên cứu, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa giúp SV phát triển kỹ năng mềm và rèn luyện chuyên môn thực tiễn. Những thành tựu này khẳng định vị thế của Khoa Kinh tế - Trường ĐH SPKT TP.HCM trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

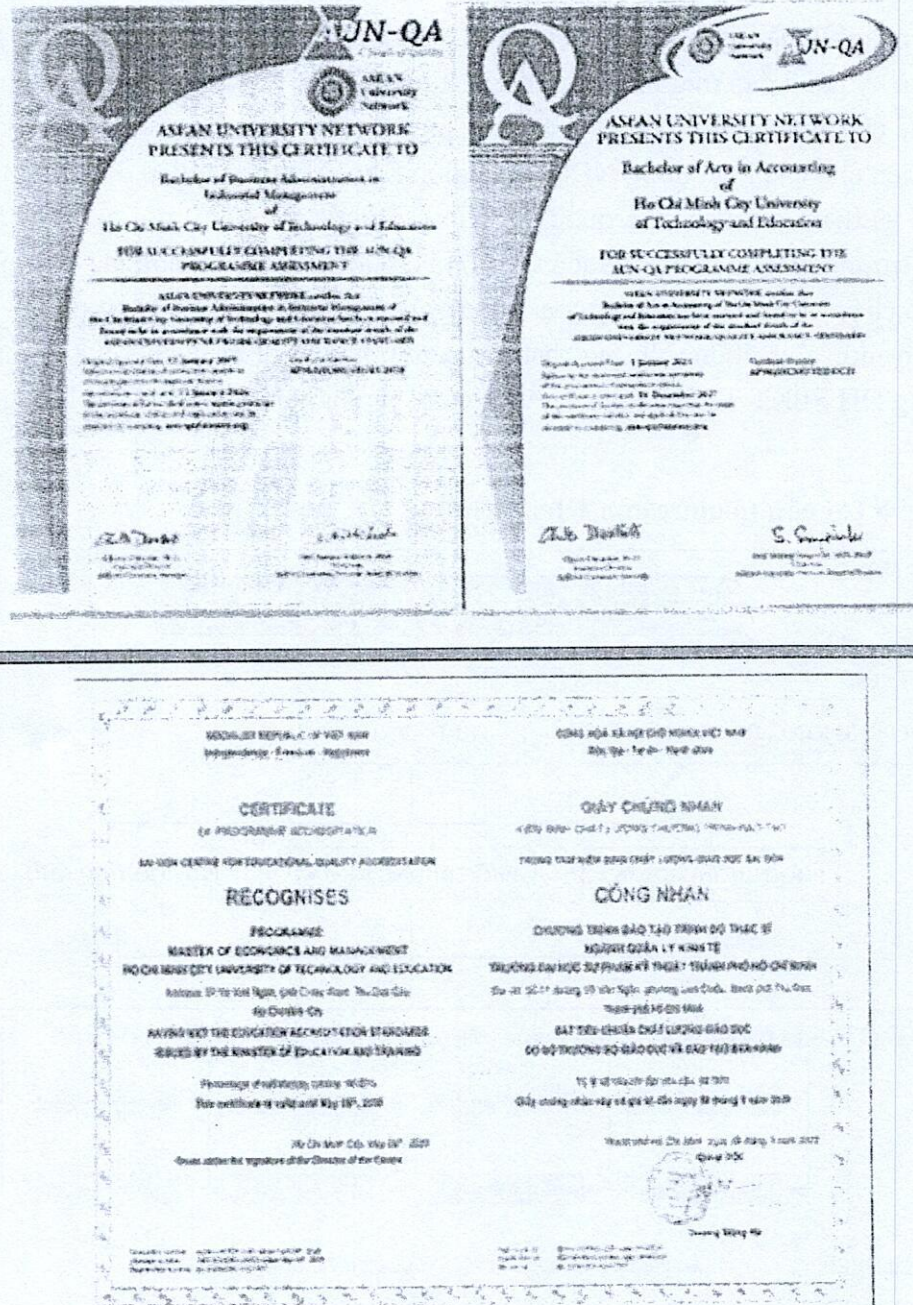
❖ Cơ cấu tổ chức của Khoa Kinh tế



Hình 1.2. Sơ đồ và cơ cấu tổ chức của Khoa Kinh tế

❖ Hoạt động Đảm bảo chất lượng (ĐBCL)

Khoa Kinh tế đã có 2 CTĐT trình độ đại học được đánh giá đạt chuẩn AUN-QA và được cấp chứng nhận như hình 1.3. Trong đó, CTĐT Ngành Quản lý công nghiệp và Kế toán trình độ đại học đã được kiểm định đạt chuẩn AUN-QA lần lượt vào năm 2018 và năm 2022 và CTĐT ngành Quản lý Kinh tế trình độ thạc sĩ được kiểm định theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (MoET) theo Quyết định số 385/QĐ-KĐCLSG, ngày 09/5/2025 của Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục Sài Gòn.



Hình 1.3: Giấy chứng nhận kiểm định các CTĐT

1.2. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.2.1. Phân tích và dự báo nhu cầu đào tạo nhân lực ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ

Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trên chặng đường đổi mới và phát triển. Từ một nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp, kém phát triển, Việt Nam đã hội nhập thành công vào nền kinh tế khu vực và thế giới, chính thức nằm trong nhóm quốc gia có thu nhập trung bình cao với quy mô 476,3 tỷ USD vào cuối năm 2024, đứng thứ 33 nền kinh tế thế giới (Nghị Quyết 09/NQ-CP, ngày 10/01/2025). Việt Nam chủ động tham gia tích cực vào các thể chế song phương, khu vực và đa phương, là thành viên của nhiều định chế kinh tế thế giới, tích cực đàm phán, ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với những nội dung cam kết sâu, rộng, trong đó ràng buộc chặt chẽ các vấn đề kinh tế với các vấn đề xã hội và môi trường.

Tháng 9 năm 2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Năm 2022, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ban hành Chiến lược phát triển quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Các chủ trương, chính sách này đã góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong kinh doanh và quản lý, giúp Việt Nam phát triển một cách căn bản, toàn diện.

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống giáo dục quốc dân đến năm 2030, tầm nhìn 2045 (Quyết định số 711/QĐ-TTg), tỷ lệ giảng viên đại học có trình độ tiến sĩ tại các cơ sở giáo dục cần đạt ít nhất 30% vào năm 2030. Riêng trong các trường đại học trọng điểm và ngành kinh tế - quản lý, yêu cầu này còn cao hơn, khoảng 40-50%.

Để thực hiện các chủ trương, các Nghị quyết trên để phát triển đất nước trong tương lai, thì nhu cầu nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao để hoạch định và điều hành chính sách, hoạt động của tổ chức Nhà nước, doanh nghiệp, công ty, tập đoàn,... là điều rất cần thiết. Tuy nhiên, theo đánh giá từ phía thị trường lao động, chất lượng nhân lực trong lĩnh vực quản lý kinh tế tại Việt Nam vẫn còn hạn chế, chưa được đào tạo bài bản và chuyên biệt cho chuyển đổi số, đặc biệt là trình độ thạc sĩ và tiến sĩ chưa đáp ứng được những yêu cầu khắt khe từ thực tiễn. Năng lực quản lý kinh tế chưa thể hiện một đội ngũ then chốt cho các vị trí công việc hoạch định và thực thi chính sách kinh tế, cũng như vị trí công việc tại các bộ phận nghiên cứu chiến lược và chính sách của các doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam. Thị trường nhân lực đang quan niệm rằng vẫn còn thiếu đội ngũ chuyên gia quản lý kinh tế có trình độ chuyên môn cao, có năng lực nghiên cứu, dự báo, xây dựng chiến lược, định hướng phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế để đạt được các mục tiêu quản lý một cách phù hợp, hiệu quả.

Bên cạnh đó, ở Việt Nam hiện nay số lượng cơ sở giáo dục đại học đào tạo tiến sĩ ngành Quản lý Kinh tế ngày càng tăng như: Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại

học Kinh tế - Đại học Huế, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Thương mại, Đại học Kinh tế TP. HCM, Đại học Hàng hải Việt Nam, ... nhưng số lượng nghiên cứu sinh tốt nghiệp cũng không đáng kể, chưa đáp ứng với nhu cầu và yêu cầu thực tiễn của xã hội.

Bảng 1.2. Bảng thống kê khả năng đào tạo của trường đào tạo nghiên cứu sinh ngành Quản lý Kinh tế và các ngành gần (ngành Kinh tế học và ngành Kinh tế nông nghiệp).

Số TT	Tên trường (đại học) được khảo sát	Số lượng nghiên cứu sinh tốt nghiệp hàng năm
1	Đại học Kinh tế TP. HCM	2-3
2	Đại học Kinh tế Quốc Dân	2-4
3	Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc Gia TP. HCM (ngành Kinh tế học)	2-3
4	Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM (ngành Kinh tế nông nghiệp)	1-2
5	Đại học Cần Thơ	2-3
6	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	2-3
7	Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai	Bắt đầu mở ngành và tuyển sinh từ năm 2023
8	Trường Đại học Ngoại Thương	Bắt đầu mở ngành và tuyển sinh từ năm 2025

Nguồn: Khảo sát và tổng hợp thông tin từ website các trường

Tại TP. HCM và một số tỉnh lân cận là trung tâm kinh tế hàng đầu của cả nước, là nơi hội tụ nền kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế sâu rộng thì nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó nhân lực có trình độ tiến sĩ ngành quản lý kinh tế có năng lực lãnh đạo, quản lý, hoạch định chính sách, nghiên cứu chuyên sâu và điều hành ngày càng trở nên cấp thiết.

Từ những phân tích trên, cho thấy nhu cầu đào tạo nhân lực trình độ tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế tại TP. HCM và các tỉnh khu vực phía Nam trong 5–15 năm tới là rất lớn, trải rộng trên các lĩnh vực: giảng dạy, nghiên cứu, hoạch định chính sách và quản trị công – tư. Việc phát triển các chương trình đào tạo ở trình độ cao, mang tính thực

tiến là chìa khóa để đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của các tỉnh trong khu vực nói riêng và cả nước nói chung.

1.2.2. Phân tích và dự báo nhu cầu sử dụng nhân lực ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ

Việt Nam đang thực hiện mạnh mẽ việc tinh gọn bộ máy toàn diện từ trung ương đến các địa phương, theo tinh thần các Nghị quyết của Đảng và Chính phủ về cải cách hành chính nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Do vậy, nhu cầu những nhà quản lý kinh tế có trình độ cao để phục vụ cho kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc trong từng lĩnh vực khác nhau là rất lớn. Đối với tổ chức kinh tế - xã hội thuộc về Chính phủ thường tìm kiếm chuyên gia có trình độ cao để phân tích chính sách, hoạt định chiến lược và tư vấn cho các chương trình phát triển kinh tế. Đối với doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn thuộc sở hữu Nhà nước, các công ty đa quốc gia, cần các chuyên gia có kiến thức chuyên sâu về kinh tế vĩ mô, kinh doanh và quản lý để tối ưu hoá hoạt động và phát triển bền vững. Đối với các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu cần nhiều giảng viên, nhà nghiên cứu có trình độ tiến sĩ để tham gia đào tạo và phát triển các chương trình đào tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

Ngành Quản lý kinh tế là ngành được một số trường đào tạo, tuy nhiên sự thay đổi nhanh về công nghệ, sự sáp nhập của các địa phương, cơ quan ban ngành và hội nhập quốc tế hiện nay buộc nguồn nhân lực cần đáp ứng yêu cầu trong lĩnh vực kinh tế và quản lý trong tình hình mới. Do vậy, nhu cầu về đào tạo mới, cập nhật kiến thức chuyên môn và nghiên cứu chuyên sâu, nhằm tạo ra nguồn nhân lực có khả năng hoạt định chiến lược, xây dựng chính sách để đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh đổi mới tại các tổ chức kinh tế - xã hội là rất cần thiết.

1.2.3. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Triết lý giáo dục xuyên suốt của Nhà trường “**Nhân bản - Sáng tạo - Hội nhập**” được thể sâu sắc trong chiến lược phát triển của Trường ĐHSPKT TP.HCM theo Nghị quyết số 178/NQ-HĐT của Hội đồng trường ngày 28/9/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2024-2030, tầm nhìn 2035 đã đặt ra mục tiêu chiến lược phát triển thành trường đại học thông minh vào những năm 2025 – 2030, theo định hướng ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực phù hợp các chuẩn mực khu vực và quốc tế; hoạt động tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, trách nhiệm xã hội. Trường đặt mục tiêu đổi mới hệ thống quản lý - quản trị, nhân sự Nhà trường theo cơ chế tự chủ toàn phần, hội nhập quốc tế theo định hướng ứng dụng triệt để quản lý chất lượng toàn diện - TQM (Total Quality Management), IoT (Internet of Thing), thúc đẩy tinh thần sáng tạo và khởi nghiệp trong tất cả các lĩnh vực công tác và hoạt động của trường, tạo nền tảng cho việc phát huy mọi tài năng và các nguồn lực trong và ngoài trường, tiến tới đổi mới mô hình phát triển trường theo định hướng Đại học – Doanh nghiệp. Bên cạnh đó Trường tiếp tục xây dựng môi trường học thuật sáng tạo, hội nhập cả trong giảng dạy, học tập

và cả trong NCKH, chuyển giao công nghệ để thu hút được các sinh viên giỏi, cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học trình độ cao, ưu tú trong và ngoài nước. Ngoài ra, Trường thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục, xếp hạng của trường và các chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế. Tiếp theo, Trường xây dựng hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, từng bước được chuẩn hóa đáp ứng đổi mới mô hình đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ; xây dựng hệ thống Công nghệ thông tin – Truyền thông bằng thông rộng, hệ thống Cơ sở dữ liệu lớn (big data), hệ thống module ứng dụng trong thống kê, phân tích, đánh giá dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý- quản trị, cải tiến chất lượng đào tạo và nghiên cứu dựa trên dữ liệu đã được phân tích, đánh giá.

Việc mở ngành đào tạo tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế tại Trường ĐHSPKT TP.HCM là một bước đi chiến lược, phù hợp với xu hướng phát triển giáo dục và nhu cầu thực tiễn của xã hội hiện nay. Ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ đóng một vai trò trọng yếu trong bối cảnh kinh tế hiện đại, định hình tư duy chiến lược và quyết định dựa trên nền tảng khoa học vững chắc. Các tiến sĩ không chỉ là những nhà nghiên cứu hàn lâm mà còn là chuyên gia giải quyết các vấn đề thực tiễn, giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và tối ưu hóa hoạt động. Ở cấp độ vĩ mô, họ là đội ngũ tư vấn chính sách, cung cấp cơ sở khoa học để hoạch định các chiến lược phát triển kinh tế bền vững cho quốc gia. Ngoài ra, vai trò của họ còn thể hiện ở việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, lan tỏa tri thức, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, góp phần vào sự phát triển chung của toàn xã hội. Do đó, ngành học này có ý nghĩa then chốt đối với sự phát triển kinh tế trong tương lai.

Với năng lực đào tạo hiện có, Trường ĐHSPKT TP.HCM đã có kinh nghiệm đào tạo thạc sĩ trong lĩnh vực quản lý kinh tế, với đội ngũ GV có trình độ cao và cơ sở vật chất hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu. Về cơ sở vật chất và hạ tầng nghiên cứu, Trường sở hữu các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và hợp tác với doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu chuyên sâu, giải quyết các vấn đề khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Với chiến lược phát triển bền vững, việc mở ngành đào tạo tiến sĩ phù hợp với chiến lược phát triển của Trường ĐHSPKT TP.HCM, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy NCKH và đóng góp vào sự phát triển bền vững của các tổ chức kinh tế - xã hội.

Từ những lý do trên, cho thấy Trường ĐHSPKT TP.HCM triển khai đề án đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế (mã ngành 9310110) là hoàn toàn cần thiết và phù hợp với xu thế phát triển hiện nay. Việc này không chỉ giải quyết nhu cầu cấp bách về nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực kinh tế và quản lý, mà còn góp phần nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của Nhà trường trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

PHẦN 2

TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ CHỦ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Trường ĐHSPKT TP.HCM được giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 - 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo Quyết định số 465/QĐ-BGDĐT ngày 31/01/2024. Hội đồng trường Trường ĐHSPKT TP.HCM được công nhận theo Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2025. Hội đồng trường đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSPKT TP.HCM và các quy chế, quy định; quy trình quản lý nội bộ khác. Trường đã công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Trường đã được đánh giá ngoài theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đạt chuẩn năm 2023 theo Quyết định số 98/QĐ-TTKĐ ngày 07/7/2023; vào sổ đăng ký số 2023.36/CEAHCM/ĐH.

Theo số liệu theo báo cáo số 1461/BC-ĐHSPKT Báo cáo tóm tắt dữ liệu HEMIS phân hệ chuẩn cơ sở giáo dục ngày 05/5/2025, Trường ĐHSPKT TP.HCM đạt các tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học áp dụng cho cơ sở đào tạo tiến sĩ với thông tin chi tiết trong Bảng 2.1.

Bảng 0.1. Kết quả đánh giá tiêu chí áp dụng cho cơ sở đào tạo tiến sĩ

Tiêu chí	Yêu cầu	Thực tế	Kết luận
Tiêu chí 2.3 về tỉ lệ GV toàn thời gian có trình độ tiến sĩ	Không thấp hơn 40% và từ năm 2030 không thấp hơn 50% đối với cơ sở giáo dục đại học có đào tạo tiến sĩ.	45,87%	Đạt
Tiêu chí 6.1 về tỉ trọng thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ	Tính trung bình trong 3 năm gần nhất không thấp hơn 5%.	5,0%	Đạt
Tiêu chí 6.2 về số lượng công bố khoa học và công nghệ tính bình quân trên một GV toàn thời gian	Không thấp hơn 0,6 bài/năm trong đó số bài có trong danh mục Web of Science hoặc Scopus không thấp hơn 0,3 bài/năm	0,98 / 0,4	Đạt

Nguồn: Số liệu từ Phòng Đảm bảo chất lượng

Ngành Quản lý công nghiệp ở trình độ đại học mã ngành 7510601 tại Trường ĐH SPKT TP.HCM đã được xây dựng, vận hành từ năm 2006 và được kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của AUN-QA vào tháng 12/2018 và đã được đánh giá kiểm định lại theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (MoET) vào tháng 8/2025.

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là cung cấp nền tảng kiến thức về quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị nhân sự, quản trị kinh doanh và quản lý kinh tế. Đây chính là những khối kiến thức cốt lõi, nền tảng chuyên môn cần thiết và có tính liên thông trực tiếp với ngành Quản lý kinh tế ở bậc đào tạo cao hơn. Do vậy, sự tương đồng về mục tiêu, chuẩn đầu ra và khối kiến thức cơ sở ngành cho thấy CTĐT ngành Quản lý công nghiệp ở trình độ đại học là phù hợp và là nền tảng để mở ngành Quản lý kinh tế ở trình độ trình độ thạc sĩ và tiến sĩ.

Ngành đào tạo Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ mã ngành 8310110 của Trường ĐHSPKT TP.HCM đạt kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT vào năm 2025 theo Quyết định số 385/QĐ-KĐCLGDSG ngày 09/05/2025, vào sổ đăng ký số 42.2025/CEA-SG/CTĐT.

Hội đồng trường Trường ĐHSPKT TP.HCM đã phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ mã ngành 9310110 theo Nghị quyết số 255/NQ-HĐT ngày 27/06/2025.

Do vậy, Trường ĐHSPKT TP.HCM đủ điều kiện tự chủ mở ngành đào tạo Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ mã ngành 9310110 theo các quy định hiện hành.

2.2. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

Đối chiếu Điều 6. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT, hiện tại, Trường ĐHSPKT TP.HCM có đủ 08 GV cơ hữu (vượt 3 GV), bao gồm 02 PGS và 06 TS có chuyên môn phù hợp chủ trì xây dựng, tổ chức đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ được thể hiện ở Bảng 2.2.

Tất cả 08 GV cơ hữu đều có bằng tiến sĩ ngành phù hợp chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Số lượng 8/8 giảng viên đứng tên mở ngành đủ tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 5 Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT và Điều 5 Quyết định số 294/QĐ-ĐHSPKT ngày 25/01/2024 về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường ĐHSPKT TP.HCM.

Bảng 2.2 Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện ngành đào tạo Quản lý Kinh tế trình độ tiến sĩ

STT	Họ và tên, năm sinh	Chuyên môn	Thông tin đáp ứng quy định chủ trì mở ngành
1	PGS.TS. Lê Thị Mai Hương Sinh năm:1982	- Tên văn bằng TS: Kinh tế	- Giảng viên cơ hữu của Trường. - Kinh nghiệm giảng dạy đại học 08 năm

STT	Họ và tên, năm sinh	Chuyên môn	Thông tin đáp ứng quy định chủ trì mở ngành
		nghiệp: Kinh tế học - Luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực: kinh tế học - Năm cấp bằng TS: 2018 PGS: ngành Kinh tế học Năm phong hàm PGS: 2024	- Trong 5 năm (từ 2020 - nay) đã: + Công bố 27 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) từ các tạp chí được HĐGSNN tính điểm từ 0,75 trở lên, trong đó: + Có 04 bài báo khoa học thuộc danh mục Scopus do các NXB uy tín quốc tế phát hành + Có tổng điểm công trình là 22
2	PGS.TS. Vương Quốc Duy Sinh năm: 1980	- Tên văn bằng TS: Tiến sĩ Khoa học Sinh học Ứng dụng - Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp: Kinh tế nông nghiệp - Luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực: Kinh tế - Năm cấp bằng TS: 2012 - Phó Giáo sư: ngành Kinh tế. - Năm phong hàm PGS: 2016	- Giảng viên cơ hữu của Trường. - Kinh nghiệm giảng dạy đại học 22 năm. - Kinh nghiệm giảng dạy SDH: 15 năm - Trong 5 năm (từ 2020 - nay) đã: + Công bố 14 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) từ các tạp chí được HĐGSNN tính điểm từ 0,75 trở lên, trong đó: + Có 12 bài báo khoa học thuộc danh mục SCIE của WoS hoặc sách chuyên khảo/chương sách tham khảo do các NXB uy tín quốc tế phát hành (bắt buộc đối với lĩnh vực khoa học, kỹ thuật) + Có tổng điểm công trình là 18,25
3	TS. Vòng Thịnh Nam, Sinh năm: 1970	- Tên văn bằng TS: Kinh tế - Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp: Kinh tế phát triển - Luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực: Kinh tế phát triển Năm cấp bằng TS:	- Giảng viên cơ hữu của Trường. - Kinh nghiệm giảng dạy đại học 15. - Kinh nghiệm giảng dạy SDH (nếu có): 07 năm - Trong 5 năm (từ 2020 - nay) đã: + Công bố 17 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) từ các tạp chí được HĐGSNN tính điểm từ 0,75 trở lên,

STT	Họ và tên, năm sinh	Chuyên môn	Thông tin đáp ứng quy định chủ trì mở ngành
		2016	trong đó: + Có 0 bài báo khoa học thuộc danh mục SCIE của WoS hoặc sách chuyên khảo/chương sách tham khảo do các NXB uy tín quốc tế phát hành (bắt buộc đối với lĩnh vực khoa học, kỹ thuật) + Có tổng điểm công trình là 14,5.
4	TS. Nguyễn Khắc Hiếu Sinh năm: 1981	- Tên văn bằng TS: Kinh tế - Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp: Kinh tế - Luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực: Kinh tế phát triển - Năm cấp bằng TS: 2018	- Giảng viên cơ hữu của Trường. - Kinh nghiệm giảng dạy đại học: 15 năm - Kinh nghiệm giảng dạy SDH (nếu có): 05 năm - Trong 5 năm (từ 2020 - nay) đã: + Công bố 10 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) từ các tạp chí được HĐGSNN tính điểm từ 0,75 trở lên, trong đó: + Có 01 bài báo khoa học thuộc danh mục SSCI, 03 bài thuộc danh mục Scopus và 01 bài thuộc danh mục ESCI. + Có tổng điểm công trình là 12.
5	TS. Lê Thị Tuyết Thanh, Sinh năm: 1986	- Tên văn bằng TS: Kinh tế - Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp: Kinh tế - Luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực: Kinh tế phát triển - Năm cấp bằng TS: 2019	- Giảng viên cơ hữu của Trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật Tp.HCM - Kinh nghiệm giảng dạy đại học: 6. - Kinh nghiệm giảng dạy SDH: 5 năm - Trong 5 năm (từ 2020 - nay) đã: + Công bố 05 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) từ các tạp chí được HĐGSNN tính điểm từ 0,75 trở lên, trong đó: + Có 01 bài báo khoa học thuộc danh mục SCIE của WoS hoặc sách chuyên khảo/chương sách tham khảo do các NXB uy tín quốc tế phát hành (bắt buộc

STT	Họ và tên, năm sinh	Chuyên môn	Thông tin đáp ứng quy định chủ trì mở ngành
			đối với lĩnh vực khoa học, kỹ thuật) + Có tổng điểm công trình là: 4,5
6	TS. Lê Trường Diễm Trang Sinh năm: 1974	- Tên văn bằng TS: Kinh tế và Quản lý - Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp: Kinh tế và Quản lý - Luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực: Quản trị lĩnh vực dịch vụ Năm cấp bằng TS: 2024	- Giảng viên cơ hữu của Trường. - Kinh nghiệm giảng dạy đại học 18 năm. - Trong 5 năm (từ 2020 - nay) đã: + Công bố 5 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) từ các tạp chí được HDGSNN tính điểm từ 0,75 trở lên, trong đó: + Có 3 bài báo khoa học thuộc danh mục Scopus, WoS hoặc sách chuyên khảo/chương sách tham khảo do các NXB uy tín quốc tế phát hành (bắt buộc đối với lĩnh vực khoa học, kỹ thuật) + Có tổng điểm công trình là 6,5
7	TS. Nguyễn Thị Anh Vân Sinh năm: 1988	- Tên văn bằng TS: Kinh tế và Quản lý - Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp: Kinh tế và Quản lý - Luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực: Quản lý Năm cấp bằng TS: 2024	- Giảng viên cơ hữu của Trường. - Kinh nghiệm giảng dạy đại học: 14 năm - Trong 5 năm (từ 2020 - nay) đã: + Công bố 4 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) từ các tạp chí được HDGSNN tính điểm từ 0,75 trở lên, trong đó: + Có 02 bài báo khoa học thuộc danh mục SSCI, 01 bài thuộc danh mục Scopus Q2 + Có tổng điểm công trình là 8,25.
8	TS. Nguyễn Thị Thanh Vân, Sinh năm: 1981	- Tên văn bằng TS: Kinh tế - Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp: Kinh doanh và Quản lý	- Giảng viên cơ hữu của Trường. - Kinh nghiệm giảng dạy đại học: 21 năm - Kinh nghiệm quản lý: 08 năm - Kinh nghiệm giảng dạy SDH (nếu

STT	Họ và tên, năm sinh	Chuyên môn	Thông tin đáp ứng quy định chủ trì mở ngành
		- Luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực: Quản trị kinh doanh - Năm cấp bằng TS: 2018	- có): 4 năm - Trong 5 năm (từ 2020 - nay) đã: + Công bố 05 bài báo khoa học với vai trò là tác giả chính (tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ) từ các tạp chí được HDGSNN tính điểm từ 0,75 trở lên, trong đó: + Có 02 bài báo khoa học thuộc danh mục SCIE của WoS hoặc sách chuyên khảo/chương sách tham khảo do các NXB uy tín quốc tế phát hành (bắt buộc đối với lĩnh vực khoa học, kỹ thuật) + Có tổng điểm công trình là: 6,75

Nguồn: Tổng hợp từ giảng viên trong Khoa Kinh tế

Về đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo bao gồm 22 người, với 3 Phó Giáo sư và 19 Tiến sĩ. Các giảng viên đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn và số lượng để triển khai toàn bộ chương trình học, đảm bảo mỗi môn học, học phần có ít nhất hai giảng viên phù hợp đảm nhiệm và mỗi giảng viên không giảng dạy quá ba môn học, học phần. Chi tiết về chuyên môn, văn bằng, kinh nghiệm giảng dạy, hướng nghiên cứu các môn học, học phần giảng dạy và hướng dẫn của từng giảng viên được trình bày trong Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Lý lịch khoa học tại Phụ lục 10.

Không chỉ có kinh nghiệm giảng dạy, đội ngũ giảng viên còn có nhiều thành tựu nổi bật trong nghiên cứu khoa học. Các đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở đến cấp Bộ và các công trình đã được công bố trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước được liệt kê chi tiết tại Phụ lục 4 và Phụ lục 5.

Với những thành tựu trên, có thể khẳng định đội ngũ giảng viên của Khoa và Nhà trường đủ năng lực hướng dẫn nghiên cứu sinh xây dựng đề cương, thực hiện tiểu luận,

chuyên đề, và luận án tiến sĩ. Đồng thời, họ cũng đủ điều kiện để tổ chức Hội đồng đánh giá luận án theo Quy định của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM.

Bên cạnh đó, chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển từ chương trình thạc sĩ cùng ngành đã được Trường ĐHSPKT TP.HCM triển khai thành công từ năm 2018. Với bề dày kinh nghiệm trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, Nhà trường hoàn toàn chủ động và tự tin khi tổ chức chương trình ở cấp độ cao hơn. Dựa trên những phân tích này, Trường ĐHSPKT TP.HCM tự đánh giá đã đáp ứng mọi yêu cầu về đội ngũ giảng viên, đúng theo các quy định tại Điều 3 và Điều 6 của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT).

2.3. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN, GIÁO TRÌNH

2.3.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo

Trường ĐHSPKT TP.HCM hiện có 02 cơ sở đào tạo và một phân hiệu, cụ thể như sau:

+ Cơ sở I – Cơ sở chính (tọa lạc tại số 01 Võ Văn Ngân, Phường Thủ Đức TP.HCM) với tổng diện tích 162.268 m², diện tích xây dựng là 36.646 m².

+ Cơ sở II (tọa lạc tại 484 Lê Văn Việt, Phường Tăng Nhơn Phú, TP. HCM) với tổng diện tích là 44.408 m², diện tích xây dựng là 7.373 m².

+ Phân hiệu của Trường tại Bình Phước (tọa lạc tại 897 quốc lộ 14, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai) với tổng diện tích 90.008 m².

Hiện Trường có 213 phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng thực-tập, trung tâm nghiên cứu với 42.202m²; bên cạnh đó là các nhà tập đa năng, sân thể thao, phòng học lý thuyết/ phòng học đa phương tiện, thư viện, trung tâm học liệu, khu tự học của sinh viên cùng các công trình khác (khu dịch vụ, căn tin, nhà xe,...).

Trường ĐHSPKT TP.HCM có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích sàn trên người học là 3.06 m² đáp ứng quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành. Hiện nay, Trường có 240 phòng học bao gồm 19 phòng máy tính, đa phương tiện, có 163 phòng có sức chứa dưới 100 chỗ, 56 phòng có sức chứa từ 100 đến 200 chỗ, 02 phòng có sức chứa lớn hơn 200 chỗ ngồi và 01 hội trường. Trường có đủ phòng học, phòng chuyên đề với trang thiết bị cần thiết bảo đảm điều kiện học tập và giúp người học có thể triển khai thực hành, thực tập, nghiên cứu.

Ngoài ra, Trường còn có sân bãi cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tương đối hoàn chỉnh, có đội ngũ bảo vệ chuyên trách làm việc 24/24 để bảo vệ tài sản, trật tự, an ninh, an toàn cho cán bộ viên chức và người học tại trường.

Ngoài cơ sở vật chất của Nhà trường, Khoa Kinh tế có một phòng dự án (Project Room) ở tầng 3 Tòa nhà Trung tâm để giảng viên hướng dẫn sinh viên, học viên khóa

luận, luận án tốt nghiệp, tổ chức hoạt động học thuật. Bên cạnh đó, vào tháng 3/2021, Khoa Kinh tế đã đưa dự án phòng BI (Business Intelligence) tại tầng 2 Tòa nhà trung tâm dùng để phục vụ cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học (Bảng 2.3). Phòng được trang bị 1 hệ thống máy chủ, 5 bảng thông minh và 1 hệ thống bức thông minh, 60 máy tính được cài đặt các phần mềm chuyên dụng. Tất cả các thiết bị đều có thể kết nối với hệ thống Smart Class.

Bảng 2.3. Thông tin chi tiết trang thiết bị trong phòng BI thuộc khoa Kinh tế

STT	Tên thiết bị	SL
1	Máy tính để bàn	61
2	Card đồ họa chuyên nghiệp	61
3	Màn hình LCD	61
4	Microsoft Windows 10 Pro Edition 64 bit	61
5	Microsoft Power BI - 1 user /year	1
6	Catalyst Switch 24 port	4
7	ROUTER CISCO ISR4331/K9	1
8	Macbook Pro Touch 2019 i5 1.4GHz/8GB/256GB (MUHP2SA/A)	1
9	Máy tính bảng iPad 10.2 inch Wifi 128GB	6
10	Hệ thống âm thanh phòng học thông minh TOA	1
11	Bộ tai nghe và Micro chuyên dụng Robotel RH-SC2500 HS3	6
12	Wifi thiết bị phát sóng không dây	1
13	Tủ mạng và quản lý cable	1
14	Màn hình LED tương tác 86" INNO ITV-862	1
15	THIẾT BỊ HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN INNO VC-HD1080-H20	1
16	Microphone đa hướng KZ-BMX6	1

Nguồn: Phòng Quản trị cơ sở vật chất

2.3.2. Thư viện, giáo trình

Thư viện Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM có cả thư viện truyền thống và thư viện điện tử. Theo thống kê tính đến 06/2025, Thư viện trường với tổng diện tích 4.496 m² với hơn 1000 chỗ ngồi, bố trí ở 2 khu vực của nhà trường. Thư viện khu A: Phòng Đọc, phòng Mượn – Trả, Văn phòng Thư viện. Phòng Đọc Beehive (Tầng hầm toà nhà trung tâm): Phục vụ các hoạt động tự học của người sử dụng Thư viện.

Hệ thống thư viện được trang bị hiện đại, ứng dụng phần mềm quản lý thư viện chuyên dụng LIBOL, cho phép tra cứu – mượn – trả tài liệu nhanh chóng và hiệu quả. Thư viện cung cấp không gian học tập với hàng trăm chỗ ngồi, khu vực nghiên cứu riêng biệt và hệ thống máy tính tra cứu được kết nối liên thông.

Về tài nguyên học thuật, thư viện hiện lưu trữ tổng số đầu sách: 33.904 đầu sách; Tổng số bản sách: 526.312 bản; Tổng số bản đồ án tốt nghiệp: 12.707 bản; Tổng số luận

văn Thạc sĩ và báo cáo NCKH: 8.632 bản; Tổng số sách giáo trình điện tử: 400 đầu; Báo, tạp chí: 14 tên báo, tạp chí trong nước.

Thư viện có quyền truy cập 8 cơ sở dữ liệu điện tử bên ngoài gồm ProQuest Central, Springer Link, IEEE Xplore Digital, WipsGlobal, Policy Commons, Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh, và cơ sở dữ liệu của Trường ĐHSPKT TP.HCM. Thư viện có đăng ký sử dụng 21 nguồn tài nguyên giáo dục mở OER và liên kết chia sẻ nguồn tài liệu với 81 thư viện số của các trường Đại học, Cao đẳng ở trong nước. website thư viện số: <https://thuvienso.hcmute.edu.vn/> và <https://lib.hcmute.edu.vn/>. Hệ thống thư viện đảm bảo đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của GV và người học. Thông tin chi tiết đính kèm theo Phụ lục 7.

Trường ĐHSPKT TP.HCM có đủ phòng học, phòng chuyên đề, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu với trang thiết bị cần thiết bảo đảm để nghiên cứu sinh có thể triển khai thực hiện các nghiên cứu trong đề tài luận án tiến sĩ. Thư viện Trường ĐHSPKT TP.HCM có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để nghiên cứu sinh tìm hiểu, tra cứu khi thực hiện luận án. Các sách, giáo trình, tạp chí khoa học trong và ngoài nước, thư viện điện tử có thể liên kết với các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước. Tóm lại, Trường ĐHSPKT TP.HCM có đủ cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu bảo đảm điều kiện học tập và giúp người học có thể triển khai thực hiện thành công đề tài luận án tiến sĩ.

2.4. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

2.4.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã thực hiện

Khoa Kinh tế là Khoa tương đối đặc thù trong Trường ĐHSPKT TP. HCM đào tạo các ngành thuộc về kinh tế, từ lúc thành lập (năm 2007) Khoa không ngừng tiến độ trong công tác nghiên cứu khoa học, số lượng và tỷ lệ các công trình nghiên cứu của Khoa ngang tầm với các Khoa lớn, lâu đời trong trường. Số lượng các bài báo trên các tạp chí uy tín quốc tế như SCIE/WoS, Scopus ngày càng tăng nhanh. Hội thảo Công nghệ xanh và phát triển bền vững là chuỗi hội thảo của Trường được tổ chức định kỳ 2 năm một lần đều đặn từ năm 2014 đến nay. Hội thảo thu hút sự quan tâm của các GV, nhà khoa học ở các trường đại học và viện nghiên cứu trong và ngoài nước. Đến với hội thảo, các nhà nghiên cứu chia sẻ những ý tưởng, kết quả nghiên cứu, kiến thức chuyên môn tiên tiến và cập nhật trong các lĩnh vực đào tạo của Nhà trường, trong đó có lĩnh vực kinh tế. Hằng năm GV trong khoa đều được cử tham gia các hội thảo trong nước và tại một số nước như: Cộng Hòa Liên Bang Đức, Mỹ, Đài Loan, Hàn Quốc,... Đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT đều tham gia nghiên cứu với các đề tài khoa học các cấp (cấp cơ sở, cấp Bộ); xuất bản các bài báo khoa học trong các hội thảo, tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế.

Trong giai đoạn từ 2018-2024, các giảng viên là tiến sĩ của Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ Thuật Tp.HCM đã thực hiện 56 đề tài NCKH, trong đó có 2 đề tài

cấp bộ, 1 đề tài cấp tỉnh và 53 đề tài cấp cơ sở. Thông tin chi tiết đính kèm theo Phụ lục 4, Phụ lục 5 và Lý lịch khoa học trong phần Phụ lục 10.

2.4.2. Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu

Tại Phụ lục 5 Thống kê những danh mục bài báo của cán bộ cơ hữu của Khoa Kinh tế đã công bố từ năm 2019 đến tháng 6 năm 2025, các giảng viên của Khoa Kinh tế, Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM đã công bố 160 bài báo liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế, trong đó có 61 bài báo nằm trong danh mục tạp chí uy tín Scopus/WoS.

Từ đó cho thấy lực lượng giảng viên Khoa Kinh tế đã có rất nhiều kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu, đáp ứng được yêu cầu ngày một đổi mới và sáng tạo trong nghiên cứu học thuật. Các bài báo trong danh mục Scopus/WoS có xu hướng tăng lên theo thời gian.

2.5. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Hàng năm, nhà trường luôn nỗ lực tìm kiếm các đối tác mới để hợp tác, ký kết các MoU/MoA mới để nâng cao chất lượng hoạt động HTQT của nhà trường, đồng thời thường xuyên giữ liên lạc với các đối tác truyền thống để tăng cường các hoạt động hợp tác theo chiều sâu. Với mục tiêu không ngừng sáng tạo trong công tác HTQT, nhà trường đã chủ động tăng cường công tác ngoại giao, hợp tác với các đối tác từ nước như: Hàn quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Phần Lan, Pháp, Anh, Singapore... Các hoạt động HTQT của nhà trường với nhiều đối tác trên thế giới khá đa dạng, tập trung vào các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, các chương trình trao đổi sinh viên và giảng viên. Các hoạt động hợp tác này Khoa Kinh tế đều nỗ lực tham gia, đóng góp không nhỏ trong việc thực hiện các hợp tác nghiên cứu với các nước như Đài Loan, Pháp... và tích cực tham gia các chương trình trao đổi sinh viên, giảng viên với các nước như: Đài Loan, Indonesia, Vương Quốc Anh và Đức.

Như vậy, hợp tác đào tạo và NCKH với các trường quốc tế sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao trong ngành Quản lý kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế và hội nhập quốc tế.

2.6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

2.6.1. Đơn vị phụ trách quản lý hành chính

Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý hành chính các chương trình đào tạo trình độ sau đại học của Trường ĐHSPKT TP.HCM là Phòng Đào tạo – Bộ phận Sau đại học.

2.6.2. Đơn vị quản lý cấp khoa đối với ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ

Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế được giao cho Khoa Kinh tế quản lý và chịu trách nhiệm chuyên môn. Đội ngũ lãnh đạo Khoa có trình độ chuyên môn phù hợp và có nhiều năm kinh nghiệm trong việc xây dựng, vận hành và quản lý các chương trình đào tạo ở cả bậc đại học và thạc sĩ, đảm bảo quá trình đào tạo diễn ra hiệu quả và chất lượng. Chi tiết về danh sách cán bộ quản lý cấp Khoa được trình bày tại Bảng 2.4 và tại Phụ lục 3.

Bảng 0.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa quản lý ngành đào tạo

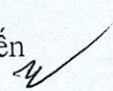
STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Phân công
1	Đàng Quang Vắng, 15/06/1974, Trưởng Khoa	Phó giáo sư, 2024 Tiến sĩ, 2019	Tài chính – Ngân hàng	Phụ trách chung
2	Nguyễn Khắc Hiếu, 21/09/1981, Phó Trưởng Khoa	Tiến sĩ, 2018	Kinh tế phát triển	Phụ trách đào tạo
3	Lê Trường Diễm Trang, 06/11/1974, Phó Trưởng Khoa	Tiến sĩ, 2024	Kinh tế và Quản lý	Phụ trách NCKH và đảm bảo chất lượng
4	Nguyễn Thị Châu Long, 02/04/1982, Phó Trưởng Khoa	Thạc sĩ, 2012	Tài chính	Phụ trách công tác sinh viên, cơ sở vật chất

2.7. ĐIỀU KIỆN SẴN SÀNG CHUYỂN SANG DẠY HỌC TRỰC TUYẾN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THEO QUY ĐỊNH

Trường ĐHSPKT TP.HCM có nền tảng dạy học số và đang vận hành <https://utexlms.hcmute.edu.vn>

100% GV của trường có kinh nghiệm sử dụng nền tảng dạy học số này trong giảng dạy trực tuyến và kết hợp.

Trường đã ban hành Quy chế quản lý, tổ chức đào tạo trực tuyến theo Quyết định số 3771/QĐ-ĐHSPKT ngày 27/12/2024 của Trường ĐHSPKT TP.HCM.

Trường ĐHSPKT TP.HCM đủ điều kiện sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định. 

PHẦN 3

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

3.1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT, ngày 07/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024: Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Quyết định số 465/QĐ-BGDĐT ngày 31/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 - 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;
- Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/01/2021, Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27/01/2023, Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14/10/2023, Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28/9/2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18/10/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM;
- Quyết định số 2311/QĐ-ĐHSPKT ngày 28/12/2021 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM về việc ban hành Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ tiến sĩ, thạc sĩ;

- Quyết định 294/QĐ-ĐHSPKT ngày 25/01/2024 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM.

3.2. QUYẾT ĐỊNH, VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Biên bản họp số 1520/BB-HĐKHĐT ngày 09/05/2025 Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thẩm định đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ;
- Nghị quyết số 255/NQ-HĐT ngày 27/06/2025 của Hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo Quản lý kinh tế - trình độ tiến sĩ;
- Quyết định số 2735/QĐ-ĐHSPKT ngày 17/7/2025 của Trường ĐHSPKT TP.HCM về việc thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT trình độ tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế;
- Quyết định số 2917/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/8/2025 của Trường ĐHSPKT TP.HCM về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ;
- Biên bản họp số 318/BB-HĐTĐCTĐT về việc họp Thẩm định CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ ngày 14/8/2025 của Hội đồng thẩm định;
- Tờ trình số 401/Tr- HĐTĐCTĐT, về việc phản hồi và chỉnh sửa CTĐT theo góp ý của Hội đồng thẩm định CTĐT ngày 16/8/2025;
- Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường số 2893/BB-HĐKHĐT ngày 21/08/2025 thông qua CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ;
- Quyết định số 2987/QĐ-ĐHSPKT ngày 13/8/2025 của Trường ĐHSPKT TP.HCM ban hành chuẩn đầu ra CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ;
- Quyết định số 3103/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/08/2025 của Trường ĐHSPKT TP.HCM ban hành CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ.

3.3. THAM KHẢO VÀ ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ được xây dựng có tham khảo, đối sánh với CTĐT trình độ tiến sĩ của 01 trường đại học trong nước (Trường Đại học Ngoại Thương) và 02 trường đại học nước ngoài: Đại học Quốc Gia Singapore – [www://bschoool.nus.edu.sg/phd/programme-details/programme-structure/](http://www.bschoool.nus.edu.sg/phd/programme-details/programme-structure/) và Trường Đại học Luân Đôn - MRes/PhD in Economics and Management - LSE (Vương Quốc Anh), thông tin chi tiết tại Phụ lục 8.

Nhìn chung, CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ của Trường ĐHSPKT TP.HCM có thời gian đào tạo tương đương với các trường trên thế giới, thời gian chuẩn 3 năm đối với NCS có trình độ thạc sĩ và 4 năm đối với NCS có trình độ đại học.

Mục tiêu CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ của Trường ĐHSPKT TP.HCM tương đối toàn diện, bao phủ cả nghiên cứu, đạo đức, đổi mới và hội nhập quốc tế. Chuẩn đầu ra CTĐT của Trường được công bố cụ thể theo nhóm năng lực, thể hiện rõ chuẩn đầu ra theo hướng tiếp cận hiện đại, tương thích với Khung trình độ quốc gia. Khối lượng kiến thức toàn khoá CTĐT của Trường ĐHSPKT TP.HCM là 90 tín chỉ phù hợp với các quy định về đào tạo trong nước và cao hơn các trường đại học quốc tế. Tuy nhiên, sự khác biệt này cũng có thể do nguyên nhân quy định thời lượng cho mỗi tín chỉ khác nhau ở mỗi quốc gia. Về kiến thức bắt buộc, CTĐT của Trường ĐHSPKT TP.HCM có cấu trúc học phần bắt buộc rõ ràng là học phần nền tảng về phương pháp NCKH. Về kiến thức tự chọn, CTĐT của Trường ĐHSPKT TP.HCM có danh mục học phần tự chọn phong phú, cho phép nghiên cứu sinh lựa chọn theo hướng chuyên sâu phù hợp với bối cảnh ngành (Quản lý Nhà nước về kinh tế nâng cao, Quản trị doanh nghiệp, Phát triển bền vững, Chuyển đổi số trong quản lý kinh tế, Quản lý chương trình và dự án). Về học phần tự chọn trong CTĐT của Trường ĐHSPKT TP.HCM mang tính ứng dụng cao và phù hợp với bối cảnh ngành. Về tiểu luận tổng quan và chuyên đề, CTĐT của Trường ĐHSPKT TP.HCM có cấu trúc rõ ràng với tổng cộng 45 TC giúp tạo nền tảng vững chắc cho luận án. Về luận án, CTĐT của Trường ĐHSPKT TP.HCM phân bổ khối lượng tín chỉ cho luận án ở mức phù hợp giữa nghiên cứu và học phần theo quy định.

Như vậy, CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ của Trường ĐHSPKT TP.HCM được thiết kế và xây dựng phù hợp phê duyệt khung trình độ quốc gia và các quy định hiện hành tại Việt Nam, mang tính ứng dụng cao, linh hoạt và phù hợp với bối cảnh ngành Quản lý kinh tế đang được đào tạo trong trong nước, khu vực và quốc tế.

3.4. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1	Tên ngành đào tạo (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Quản lý Kinh tế Economics and Management
2	Mã ngành	9310110
3	Đơn vị quản lý	Khoa Kinh tế
4	Chuẩn đầu vào	
4.1	Yêu cầu chung	a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); c) Có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.
4.2	Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức	a) Đối với đầu vào là nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ các ngành: Quản lý kinh tế, Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế.

		b) Đối với đầu vào là nghiên cứu sinh đã có bằng đại học các ngành: Quản lý kinh tế, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số và Quản lý công nghiệp
4.3	Ngành khác cần học bổ sung kiến thức	Căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ đại học, thạc sĩ yêu cầu cập nhật kiến thức và định hướng nghiên cứu, Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa Kinh tế xác định số học phần và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung.
5	Mục tiêu	Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Quản lý kinh tế nhằm đào tạo các nhà khoa học, các chuyên gia quản lý kinh tế có chuyên môn sâu, có tinh thần trách nhiệm, có lý thuyết tiên tiến, hiện đại; có năng lực nghiên cứu và sáng tạo tri thức mới giúp phát triển và làm phong phú thêm các lý thuyết quản lý kinh tế; có khả năng phân tích, phản biện và đánh giá chính sách quản lý kinh tế; có khả năng tham gia đào tạo, lan tỏa, thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành hoặc cố vấn chuyên môn cho các cơ quan nhà nước, các tổ chức quốc tế và các hiệp hội, doanh nghiệp về chính sách và quản lý kinh tế.
6	Chuẩn đầu ra	
6.1	Kiến thức	- Phản biện các chính sách quản lý kinh tế bằng cách vận dụng kiến thức lý luận chuyên sâu, tiên tiến toàn diện về kinh tế và quản lý. - Đánh giá các hoạt động quản lý kinh tế chuyên sâu trong thực tiễn. - Sáng tạo tri thức mới, các hướng tiếp cận mới và các giải pháp mới trong quản lý kinh tế.
6.2	Kỹ năng	- Phát hiện, phân tích và đánh giá các vấn đề phức tạp nhằm đề xuất giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề về lý luận hoặc tạo ra tri thức mới trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. - Có kỹ năng phát hiện, phân tích, tổng hợp, chứng minh và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý kinh tế một cách sáng tạo.
6.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	- Không ngừng sáng tạo tri thức mới và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động chuyên môn. - Có tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh, chính trực, có ý thức tôn trọng liêm chính học thuật, đạo đức nghiên cứu và đạo đức học thuật. - Hình thành năng lực dẫn dắt chuyên môn, đưa ra quyết định và đề xuất chuyên môn với luận cứ

		khoa học chắc chắn để xử lý những vấn đề đặt ra trong lý luận và thực tiễn.	
7	Cấu trúc CTĐT	CTĐT với đầu vào trình độ thạc sĩ: - Tổng số tín chỉ toàn khoá: 90 tín chỉ	CTĐT với đầu vào trình độ đại học: - Tổng số tín chỉ toàn khoá: 120 TC. - Kiến thức trình độ thạc sĩ: 30 TC, gồm + Học phần bắt buộc: 15 TC + Học phần tự chọn: 15 TC
		- Kiến thức trình độ tiến sĩ: 90 TC + Học phần bắt buộc: 3 TC + Học phần tự chọn: 3 TC + Tiểu luận tổng quan: 10 TC + Chuyên đề NCKH 1: 15 TC + Chuyên đề NCKH 2: 20 TC + Luận án: 39 TC	
8	Đã tham khảo CTĐT trong và ngoài nước	CTĐT trình độ tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế của các trường sau: - Trường Đại học Ngoại Thương - Trường Đại học Quốc gia Singapore - Trường Đại học Luân Đôn (Vương Quốc Anh)	
9	Tuyển sinh	Theo Đề án tuyển sinh sau đại học của Trường ĐHSPKT TP.HCM hàng năm, với hình thức xét tuyển.	

Nội dung chi tiết Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ được trình bày ở Phụ lục 9.

3.5. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

Trường ĐHSPKT TP.HCM đề xuất tuyển sinh khoá đầu tiên vào đợt 1 năm 2026. Chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm đầu tiên được đề xuất với số lượng theo Bảng 3.1.

Bảng 0.1. Quy mô tuyển sinh dự kiến

Năm	2026	2027	2028	2029	2030
Số lượng tuyển sinh	10	10	10	12	12

3.6. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo sẽ được đánh giá và hiệu chỉnh định kỳ theo tiến độ và quy định hiện hành của Trường ĐHSPKT TP.HCM.

PHẦN 4

TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

4.1. CÔNG CÔNG KHAI THÔNG TIN

Đề án mở ngành, Chương trình đào tạo và các thông tin tổ chức thực hiện chương đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ sau khi được mở ngành sẽ được công khai trên các cổng công khai thông tin của cơ sở đào tạo:

- Địa chỉ website của Trường ĐHSPKT TP.HCM: <https://hcmute.edu.vn/>
- Địa chỉ website của Khoa Kinh tế: <https://fe.hcmute.edu.vn/>
- Địa chỉ website của Phòng Đào tạo – Bộ phận sau đại học: <https://sdh.hcmute.edu.vn/>

4.2. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Căn cứ vào nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ tiến sĩ trong lĩnh vực Quản lý kinh tế tại các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, cũng như trong các tập đoàn, tổng công ty, công ty trong nước và công ty có vốn đầu tư nước ngoài;

Căn cứ vào định hướng, chiến lược phát triển của Nhà trường, nguồn nhân lực tại chỗ, cơ sở vật chất của Nhà trường;

Căn cứ vào các quy định về việc mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ theo Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học; Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, và các quy định hiện hành;

Đề án đăng ký mở ngành đào tạo Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ của Trường ĐHSPKT TP.HCM đã được xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024, và các quy định của pháp luật hiện hành.

4.3. CAM KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Trường ĐHSPKT TP.HCM và Khoa Kinh tế cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong Đề án, đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ theo các quy định hiện hành.

4.4. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG VÀ XỬ LÝ RỦI RO

4.4.1. Trường hợp không tuyển sinh đủ chỉ tiêu

Trong trường hợp không tuyển sinh được vì nhiều nguyên nhân khác nhau thì đơn vị đào tạo sẽ tăng cường thêm công tác quảng bá (trực tiếp; gián tiếp qua trang mạng xã hội, tiếp cận cựu người học thông qua GV đã từng giảng dạy và hướng dẫn tốt nghiệp, qua các nhóm liên kết cựu người học của Khoa), tiếp cận nhà tuyển dụng để cập nhật yêu cầu, khảo sát lại nhu cầu xã hội. Bên cạnh đó, sẽ tăng cường liên kết với đơn vị sử dụng lao động để thu hút người học; định kỳ đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng và thu hút người học.

4.4.2. Người học bỏ học, trễ tiến độ

- Theo dõi tình hình học tập của người học, tạo nhiều kênh thông tin liên lạc để kịp thời phát hiện các nguyên nhân người học bỏ học, trễ tiến độ, kết hợp với lãnh đạo đơn vị và các phòng ban chức năng để có phương án hỗ trợ hợp lý.

- Phòng Đào tạo, Bộ phận Sau đại học, Phòng kế hoạch tài chính định kỳ sẽ có các thống kê tình trạng học tập, tình hình nợ học phí của người học gửi về các đơn vị đào tạo; trên cơ sở đó, các đơn vị đào tạo kịp thời thông tin, trao đổi với người học để tìm hiểu nguyên nhân, từ đó có phương án hỗ trợ.

- Với trường hợp người học gặp khó khăn đột xuất về tài chính: Trường và các đơn vị đào tạo xem xét từng trường hợp để linh động giải quyết; Trường có các nguồn kinh phí dành riêng cho việc hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đột xuất, các học bổng tài trợ để tháo gỡ một phần khó khăn về tài chính cho người học.

- Với trường hợp không theo kịp tiến độ do quá bận công tác hay chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu: cán bộ quản lý ngành cần định hướng, nhắc nhở tiến trình học tập, hỗ trợ điều chỉnh kế hoạch học tập để người học có thể hoàn thành chương trình học ở mỗi học kỳ.

4.4.3. Sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác

Trường có chính sách hỗ trợ và động viên, khuyến tài, tái ký hợp đồng lao động với GV hưu trí nhưng thể lực và trí lực để làm việc; tạo điều kiện bồi dưỡng chuyên môn, phát triển NCKH cũng là cách để cải thiện chất lượng giảng dạy. Đồng thời, có kế hoạch phát triển nguồn lực cụ thể, có chính sách thu hút GV để đảm bảo có đủ lực lượng kế thừa.

4.4.4. Sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực

- Bảo đảm chất lượng đào tạo và nâng cao uy tín của Trường để thu hút giảng viên có trình độ cao và giúp người học tin tưởng về chất lượng đào tạo của trường.

- Khảo sát định kỳ nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo; giúp tạo thị trường lao động ổn định, qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với các cơ sở đào tạo khác.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh thực hiện liên tục thông qua nhiều kênh khác nhau từ trực tiếp đến trực tuyến và bao gồm nhiều cấp độ khác nhau từ cấp Trường, Khoa đến cấp Bộ môn để đảm bảo việc tư vấn tuyển sinh đạt hiệu quả cao nhất nhằm duy trì việc đào tạo và phát triển ngành trong tương lai.

- Thực hiện công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định pháp luật. Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, bao gồm chất lượng các hoạt động chuyên môn và chất lượng các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ người học.

4.4.5 Trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Một số phương án, giải pháp cụ thể bảo vệ quyền lợi cho người học, GV, nhà trường và các bên liên quan như sau:

- Đối với GV: Trường cần có kế hoạch, thông báo để GV có sự chủ động trong sắp xếp công việc, hoặc tạo điều kiện cho GV có cơ hội tham gia các khóa đào tạo/đào tạo lại các lĩnh vực chuyên môn gần để GV có thể có sự chuyển đổi khi cần thiết.

- Đối với người học, Trường liên hệ với các cơ sở đào tạo có cùng mã ngành cùng trình độ để gửi người học tham gia quá trình học tập tiếp theo. Hoặc chuyển trường cho người học theo nguyện vọng.

- Thực hiện các hành động khắc phục nguyên nhân bị đình chỉ trong thời gian sớm nhất để Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định cho phép hoạt động ngành đào tạo trở lại.

KẾT LUẬN

Đề án mở ngành đào tạo Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ của Trường ĐHSPKT TP.HCM đã được xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024, và các quy định của pháp luật hiện hành.

PHỤ LỤC

*(Kèm theo Đề án số 3016/ĐA-ĐHSPKT ngày 28 tháng 8 năm 2025
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh)*

Phụ lục 1 - Danh sách giảng viên, nhà khoa học.

Phụ lục 2 - Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong CTĐT.

Phụ lục 3 - Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa.

Phụ lục 4 - Danh mục đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên.

Phụ lục 5 - Danh mục công trình khoa học của giảng viên.

Phụ lục 6 - Danh mục Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện CTĐT.

Phụ lục 7 - Xác nhận điều kiện thực tế liên quan Thư viện.

Phụ lục 8 - Bảng phân tích đối sánh các CTĐT.

Phụ lục 9 - Bản mô tả CTĐT.

Phụ lục 10 - Lý lịch khoa học. 